TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST Ngày 26-6-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tuấn Anh;

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983; đăng ký thường trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn Xuân Hòa, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/9/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng

hòa thuận được đến tháng 10/2017 thì pH sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chung sống với nhau không có tình cảm. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 11/2017 đến nay, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân và không quan T đến nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, anh T yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Uyên N, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn, anh T yêu cầu Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh nhận trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về thời gian, điều kiện vợ chồng kết hôn như anh T trình bày là đúng thực tế. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 11 năm 2017 thì pH sinh mâu thuẫn do vợ chồng cãi nhau, nhưng có sự tác động của mẹ chồng nên anh T đuổi chị đi; chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn; mặt khác vì con. Về con chung, vợ chồng có 01 con như anh T trình bày là đúng. Hiện nay con do chị nuôi dưỡng; nếu vợ chồng phải ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi con, nhưng yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Chị H không đồng ý ly hôn; chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu Tòa án buộc anh T phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị xin tự thỏa thuận với anh T, nếu không tự thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Uyên N, sinh ngày 27/10/2013, buộc anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, anh T và chị H xin tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra để giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Trần Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị H có nơi cư trú tại: Thôn Xuân Hòa, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Về nội dung:

[2] Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn T và chị Phạm Thị H xác lập với nhau từ ngày 27/10/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được đến tháng 10 năm 2017 thì pH sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nên dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau; mặt khác do mâu thuẫn giữa chị H và mẹ đẻ anh T nhưng anh T không điều hòa được. Từ tháng 11/2017 đến nay, do mâu thuẫn giữa chị H và mẹ đẻ anh T dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng với nhau; chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân và không quan T đến nhau. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn nhưng chị H không đồng ý. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H pH sinh là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác do mâu thuẫn giữa chị H và mẹ đẻ anh T; anh chị sống ly thân đến nay đã được hơn 01 năm. Từ những phân tích trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Uyên N, sinh ngày 27/10/2013. Nếu vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh nhận trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Chị H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng chị không đồng ý về mức cấp dưỡng,

chị yêu cầu Tòa án buộc anh T phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức thu nhập, cũng như khả năng cấp dưỡng của anh T; trên cơ sở thực tế tại địa phương, để đảm bảo quyền lợi tối thiểu cho con chung; căn cứ vào khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị H xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Uyên N, sinh ngày 27/10/2013; buộc anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời hạn nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được tính từ ngày 26/6/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì phải chịu lãi suất, tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con chung.

3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011467 ngày 01/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tiên Lãng. Anh T còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi